

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-PT

Ngày 23/9/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phùng Lâm Hồng

Các thẩm phán: Ông Đặng Phi Long; ông Phạm Ngọc Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Minh Phương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 04/2023/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn. Do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐ-PT ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 55/QĐ-TA ngày 11 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ĐDT sinh năm 1981

Địa chỉ: Tổ 6A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông NQH. SN 1974

Địa chỉ: TDP NS 2, TTBH, huyện BH, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị đơn: Anh ĐĐA, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Tổ 6A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà TTC, sinh năm 1954

Địa chỉ: Tổ 6A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh ĐĐA, bà TTC: 1. Bà TTH. Có mặt

2. Bà PTL. Vắng mặt

Luật sư văn phòng Luật sư ĐĐ, đoàn Luật Sư TPHN.

Địa chỉ: P2780, tòa VP3, BDLĐ, HL, HM, HN

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị ĐDT trình bày:

Chị và anh ĐĐA kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì có mâu thuẫn xảy ra. Nay chị không còn tình cảm gì với Anh A nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh ĐĐA. Về con chung, trong thời gian chung sống anh chị có ba con chung là cháu ĐBN sinh ngày 02/5/2013, ĐNH sinh ngày 28/6/2015 và ĐGB sinh ngày 30/10/2019. Chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cả ba cháu và yêu cầu Anh A phải cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu H và cháu B mỗi cháu 2.000.000đ/tháng. Đối với tài sản chung: Trong thời gian chung sống chị và Anh A có những tài sản chung như sau:

Thửa đất 56 tờ bản đồ 77 diện tích 80,8m² tại tổ 6A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Đất đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Bảo Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) số BO658495 ngày 09/10/2013 đứng tên ông ĐĐA và bà ĐDT. Nguồn gốc thửa đất là do anh chị nhận chuyển nhượng của ông BHH. Trên đất có nhà xưởng kinh doanh, anh chị có thành lập hộ kinh doanh ĐĐA kinh doanh ngành nghề gia công cơ khí vốn đầu tư là 300.000.000đ.

Thửa đất thứ hai: thửa 96 tờ bản đồ 64 địa chỉ tại tổ 3A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai nhận chuyển nhượng năm 2019 của anh NMH chị ĐTH với giá 780.000.000đ. Nguồn tiền sử dụng để mua đất có 280.000.000đ tiền anh chị chuyển nhượng thửa đất ở bản 5 Là, xã XT cho anh PĐC, và 500.000.000đ tiền anh chị vay Ngân hàng Bưu điện Liên Việt. Do thời gian nhận chuyển nhượng trùng thời gian chị sinh cháu thứ 3 nên chị không có thời gian đi làm hồ sơ chuyển nhượng, sau đó chị được biết Anh A đã tự ý làm thủ tục sang tên mảnh đất từ anh H chị H sang cho mẹ đẻ anh là bà TTC. Khi biết sự việc chị đã có ý kiến phản đối.

Thửa đất thứ ba: thửa đất ở tại tổ 1 thị trấn PR, anh chị nhận chuyển nhượng của chị NTT năm 2018, đã đặt cọc số tiền 120.000.000đ, do thửa đất có tranh chấp nên chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định.

Ngoài ra còn 01 xe ô tô KIA biển kiểm soát 88A-145.86 anh chị mua lại của ông NVĐ năm 2020 với giá 350.000.000đ, hiện đăng ký xe mang tên Trần Văn Kê. Chị Thuý đề nghị chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Về công nợ, hiện anh chị không nợ ai nên chị không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh ĐĐA trình bày: Anh A nhất trí với trình bày của chị T về việc đăng ký kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng và con chung. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn. Về con chung, anh đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba cháu không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, Anh A cho rằng anh chị chỉ có tài sản chung là thửa đất số 56 tờ bản đồ 77 diện tích 80,8m² tại tổ 6A thị trấn PR. Đối với thửa đất 96 tờ

bản đồ 64 địa chỉ tại tổ 3A thị trấn PR là đất của mẹ đẻ anh, GCN QSDĐ mang tên bà TTC không phải tài sản chung của vợ chồng. Đối với xe ô tô KIA biển kiểm soát 88A-145.86 anh chị mua lại của ông NVĐ năm 2020, nguồn tiền mua xe là của mẹ đẻ anh cho vay. Sau khi mua xe được một thời gian anh đã bán xe cho anh LBT và đã sử dụng tiền để trả cho mẹ đẻ. Anh đề nghị chia đôi đất và nhà xưởng tại tổ 6A, tài sản tại tổ 3A không phải tài sản chung nên anh không đề nghị chia, đối với xe ô tô hiện không còn nên anh không đề nghị giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà TTC trình bày: Khoảng tháng 11/2019 bà có nhận chuyển nhượng thửa đất 96 tờ bản đồ 64 tại tổ 3A thị trấn PR của anh NMH chị ĐTH với giá 780.000.000đ. Do tuổi cao nên bà nhờ anh ĐĐA trực tiếp giao dịch mua bán với anh H chị H. Bà đưa cho Anh A 50.000.000đ để đặt cọc, số còn lại sau khi làm xong hợp đồng bà đưa cho Anh A chuyển trả cho anh chị HH. Bà chỉ gặp anh chị HH một lần khi ký hợp đồng chuyển nhượng tại UBND thị trấn PR. Hiện bà đang cho công ty chuyên phát nhanh thuê làm địa điểm kinh doanh, hợp đồng cho thuê bà là người ký và tiền chuyển vào tài khoản của Anh A. Bà không đồng ý với yêu cầu của chị T đề nghị chia tài sản chung là thửa đất này.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai quyết định:

- 1/ Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị ĐDT và anh ĐĐA.
- 2/ Về con chung, xử công nhận sự thỏa thuận của chị ĐDT và anh ĐĐA: Chị ĐDT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu ĐGB sinh ngày 30/10/2019, anh ĐĐA trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu ĐBN sinh ngày 02/5/2013 và cháu ĐNH sinh ngày 28/6/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, Anh A và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- 3/ Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị ĐDT về việc chia tài sản chung

- Chia cho anh ĐĐA được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

Thửa đất số 56 tờ bản đồ 77 diện tích 80,8m² đất ở đô thị tại tổ 6A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai. Đất được Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành BO 658495 ngày 09/10/2013 đứng tên ông ĐĐA và bà ĐDT. Trị giá đất: 407.312.800đ.

Tài sản trên đất: 01 nhà khung sắt, mái lợp tôn kích thước rộng 4,6m dài 14,5m có một mặt tường mượn, 01 mặt tường lợp tôn kích thước dài 14,6m, cao trung bình 4,5m. Bên trong có gác xép rộng 4,6m dài 2,9m, sàn gỗ rộng 2,2m dài 2,9m; 01 nhà vệ sinh xây đồ mái bằng kích thước rộng 4,6m dài 2,7m; bán mái lợp tôn trước nhà rộng 4,6m dài 3,6m. Trị giá tài sản trên đất: 146.096.966đ.

Tiền bán xe ô tô KIA biển kiểm soát 88A-145.86 là 320.000.000đ.

Tổng giá trị các tài sản giao cho anh ĐĐA là 873.409.766đ.

Tổng giá trị tài sản Anh A được hưởng là 526.064.383đ.

- Chia cho chị ĐDT được sở hữu và sử dụng các tài sản sau:

+ Thừa đất số 96 tờ bản đồ 64 diện tích 41,1m² đất ở đô thị tại tổ 3A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 091786 ngày 27/12/2019 đứng tên bà TTC. Trị giá: 178.719.000đ. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV không có giá trị.

Anh ĐĐA phải thanh toán cho chị ĐDT tiền chênh lệch tài sản là 347.345.383đ.

Tổng giá trị tài sản chị T được hưởng là 526.064.383đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự

Ngày 07/8/2023, bà TTC, anh ĐĐA kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần chia tài sản, đề nghị hủy bỏ phần xác định thừa đất số 96, tờ bản đồ số 64, diện tích 41m², địa chỉ tổ 3A, TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai là tài sản chung giữa anh ĐĐA và chị ĐDT; xác định thừa đất số 96, tờ bản đồ số 64, diện tích 41m², địa chỉ tổ 3A, TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai không phải là tài sản chung của anh ĐĐA và chị ĐDT, đây là tài sản của bà TTC. Ngoài ra, anh ĐĐA kháng cáo đề nghị hủy bỏ việc xác định số tiền bán xe KIA BKS 88A-145.86 trị giá 320.000.000đ là tài sản chung giữa anh ĐĐA và Chị ĐDT; Hủy bỏ việc yêu cầu Anh A phải thanh toán cho chị T tiền chênh lệch tài sản là 347.345.383đ, đồng thời đề nghị giải quyết lại phần phân chia tài sản chung giữa Anh A và chị T trong vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà TTC và anh ĐĐA giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử định giá lại thừa đất số 96 tờ bản đồ 64 diện tích 41,1m² đất ở đô thị tại tổ 3A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 091786 ngày 27/12/2019 đứng tên bà TTC. Trị giá: 178.719.000đ. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV. Chị ĐDT giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh ĐĐA và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTC, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai, tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh ĐĐA và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà TTC có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Về quan hệ hôn nhân, nuôi con chung:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị ĐDT và anh ĐĐA đều xác nhận tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và nhất trí ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn đều có mặt. Tòa án sơ thẩm xử công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung giữa chị ĐDT và anh ĐĐA là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Anh A, chị T không kháng cáo đối với nội dung này nên tòa phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo

[3.1] Đề nghị không nhất trí thừa đất số 96, tờ bản đồ số 64, diện tích 41m², địa chỉ tổ 3A, TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai là tài sản chung giữa anh ĐĐA và chị ĐDT vì thừa đất trên là tài sản của bà TTC.

Theo hồ sơ, tài liệu chứng cứ trong vụ án, chị T cho rằng thừa đất trên là tài sản chung của anh chị, do anh chị nhận chuyển nhượng của anh H chị H với giá 780.000.000đ. Chị T đã chứng minh được nguồn gốc số tiền 780.000.000 đồng là do vợ chồng chị Thuý vay tiền Ngân hàng TM CP Bưu điện Liên Việt số tiền 500.000.000đ theo hợp đồng tín dụng ký kết ngày 25/11/2019 và số tiền 280.000.000đ dùng để mua là do vợ chồng chị T đã chuyển nhượng đất tại bản 5 Là, xã XT, huyện Bảo Yên cho anh PĐC ngày 06/8/2019. Tại cấp sơ thẩm anh Chuẩn đã có lời khai công nhận đã nhận chuyển nhượng đất của Anh A chị Thuý với giá 280 triệu đồng. Theo Anh A và bà C thừa đất này là tài sản riêng của bà C, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm Anh A và bà C đều không có tài liệu nào xác thực để chứng minh về nguồn gốc số tiền 780 triệu đồng sử dụng để mua đất. Như vậy có căn cứ để xác định nguồn gốc số tiền 780 triệu đồng dùng để nhận chuyển nhượng đất của anh H chị H là tiền của vợ chồng Anh A chị T vay Ngân hàng và chuyển nhượng đất mà có.

Mặt khác, tại cấp sơ thẩm chị T cũng cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 26/11/2019 có nội dung anh H chị H chuyển nhượng thửa đất 96 tờ bản đồ 64 cho Anh A chị Thuý với giá 780.000.000đ, có chữ ký của hai bên. Ngoài ra có biên bản giao tiền cùng ngày 26/11/2019 có nội dung bên A (Anh A chị T) giao số tiền 750.000.000đ cho bên B (anh H chị H) và các bên có giao hẹn “đến ngày 02/12/2019 bên B bàn giao giấy chứng nhận QSDĐ cho bên A”. Mặc dù các tài liệu này không được công chứng, chứng thực nhưng Anh A

có ký vào các tài liệu trên và bản thân Anh A cũng công nhận đúng chữ ký của mình. Như vậy về bản chất Anh A chị T là người nhận chuyển nhượng thửa đất 96 tờ bản đồ 64 nguồn gốc số tiền nhận chuyển nhượng đất của anh H và chị H với số tiền 780 triệu đồng là tài sản chung của vợ chồng Anh A chị T. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định thửa đất 96 tờ bản đồ 64, địa chỉ tại tổ 3A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai là tài sản chung của vợ chồng Anh A, chị T và chia tài sản chung là thửa đất trên là có căn cứ theo Điều 33 Luật hôn nhân gia đình.

[3.2] Đối với kháng cáo không nhất trí số tiền bán xe KIA BKS 88A-145.86 trị giá 320.000.000đ là tài sản chung giữa anh ĐĐA và Chị ĐDT.

Anh A và chị T đều công nhận năm 2020 anh chị mua chiếc xe của ông NVĐ. Về việc thanh toán tiền mua xe chị Thuý cung cấp được giấy chuyển tiền ngày 21/02/2020 chị chuyển số tiền mặt 230.000.000đ và chuyển 40.000.000đ từ tài khoản của chị vào tài khoản của anh NVL (là con trai ông NVĐ để nhờ anh Luân chuyển tiền cho ông Đ), tổng cộng là 270.000.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập chứng cứ, lấy lời khai của người làm chứng. Lời khai chị Thuý phù hợp với lời khai của ông NVĐ là đã nhận đủ số tiền bán xe cho Anh A chị T. Mặc dù Anh A và bà C đều cho rằng tiền mua xe ô tô là do bà C cho vợ chồng Anh A chị T vay nhưng Anh A và bà C đều không có tài liệu chứng cứ chứng minh.

Hiện nay, Anh A đã bán xe cho anh LBT với giá 320.000.000đ, Anh A thừa nhận khi bán xe Anh A là người cầm tiền và số tiền bán xe. Chị T cho rằng Anh A chi tiêu vào việc gì chị T không biết. Quá trình giải quyết vụ án, Anh A không chứng minh được đã sử dụng số tiền này vào mục đích chi tiêu cho gia đình. Do đó Tòa cấp sơ thẩm xác định số tiền bán xe 320.000.000đ do Anh A đang quản lý được xác định là tài sản chung vợ chồng là phù hợp.

[3.3] Đối với yêu cầu của anh ĐĐA và bà TTC về việc định giá lại tài sản gồm có: Thửa đất số 96 tờ bản đồ 64 diện tích 41,1m² đất ở đô thị tại tổ 3A TTPR, huyện BY, tỉnh Lào Cai, đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CP 091786 ngày 27/12/2019 đứng tên bà TTC. Trên đất có 01 nhà xây cấp IV. Xét thấy đơn kháng cáo của Anh A và bà C không có nội dung không nhất trí về giá trị tài sản tranh chấp, tại phiên tòa sơ thẩm Anh A bà C nhất trí và không yêu cầu định giá lại tài sản này. Hơn nữa, trong quá trình xem xét tại Biên bản định giá tài sản thể hiện việc cản trở, gây khó khăn cho Hội đồng định giá tài sản “bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không đồng ý kiểm tra hiện trạng trên đất...” (BL 160) Vì vậy yêu cầu định giá lại tài sản của Anh A và bà C không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Như đã phân tích ở trên thửa đất 96, tờ bản đồ 64 và số tiền bán xe là 320 triệu đồng được xác định là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Tòa cấp sơ thẩm giải quyết chia đôi tài sản chung theo đúng nguyên đơn, bị đơn. Tòa

cấp sơ thẩm đã giao cho Anh A được quản lý sử dụng thửa đất 56 tờ bản đồ 77 tại tổ 6A TT PR cùng nhà xưởng trên đất là phù hợp với điều kiện và công việc kinh doanh hiện tại của Anh A; Giao thửa đất 96 tờ bản đồ 64 tại tổ 3A TT PR cần giao cho chị T quản lý sử dụng do chị T không có nhà ở xét thấy là phù hợp. Do tổng giá trị các tài sản giao cho Anh A là: 873.409.766đ. Nên Anh A phải thanh toán cho chị T số tiền chênh lệch tài sản là 347.345.383đ là phù hợp.

[4]. Từ những phân tích nêu trên, xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm Anh A, bà C không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là có căn cứ, đúng quy định, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5]. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng chị T, Anh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của Anh A và bà C không được chấp nhận nên Anh A và bà C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên.

2. Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh A và bà Cam mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh ĐĐA đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-22P, số 0001731 ngày 07/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai; Xác nhận bà TTC đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu AC-22P, số 0001730 ngày 07/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai”.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện Bảo Yên;
- Đường sự (6);
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Phùng Lâm Hồng

